TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **453**/2026/HNGĐ-ST
Ngày 26-8-2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trường Hận

Bà Nguyễn Bảo Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Linh là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

Ngày 26 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 769/2026/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2026 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 790/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Minh Đ, sinh năm 1979

Căn cước công dân số: 096079018546, cấp ngày 09/8/2021.

Cư trú tại: Ấp T, xã C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp B, xã N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là anh Lê Minh Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh Lê Minh Đ và chị Nguyễn Thị T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau ngày 15/12/2005. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn. Nay anh Đ yêu cầu ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh Đ và chị T có 03 người con chung gồm chị Lê Diễm M, sinh năm 2001, chị Lê Thùy T2, sinh ngày 16/4/2005 và chị Lê Hồng D, sinh ngày 16/4/2005, hiện nay các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Đ và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Đ xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị T đúng theo quy định pháp luật, nhưng chị T không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 29/7/2026, nguyên đơn anh Lê Minh Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đúng theo quy định pháp luật; bị đơn chị Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ và chị T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2000 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau ngày 15/12/2005 (nay là xã N, tỉnh Cà Mau) đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị T được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của anh Đ, thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, chị T vắng mặt không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với anh Đ. Quá trình chung sống, anh Đ và chị T phát sinh mâu thuẫn; hiện nay anh Đ không còn tình cảm yêu thương chị T và quyết tâm mong muốn được ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Đ và chị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Đ được ly hôn với chị T.

[3] Về con chung: Các con chung gồm chị Lê Diễm M, sinh năm 2001, chị Lê Thùy T2, sinh năm 2005 và chị Lê Hồng D, sinh năm 2005 đã trưởng thành, điều kiện phát triển về thể chất và khả năng nhận thức bình thường nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh Đ và chị T tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của anh Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Lê Minh Đ ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Chị Lê Diễm M, sinh năm 2001, chị Lê Thùy T2, sinh năm 2005 và chị Lê Hồng D, sinh năm 2005 đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Minh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm: Anh Lê Minh Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Ngày 14/7/2026, anh Lê Minh Đ đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại Biên lai số 0000655 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3 – Cà Mau;
- UBND xã N, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Dương Minh Út